CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn 911

Ngày 31/03/2025	7,970 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.9%	**-**	**-1.9%**

DT thuần
Q1/25
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.0| 69.7%
YoY: ▼67.0| -22.7%

LN thuần
Q1/25
4.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.97| 1104%
YoY: ▼6.17| -58.7%

LN sau thuế
Q1/25
2.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.30| 1151%
YoY: ▼3.60| -59.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q1/25
5.1%
YoY: +/-▼ 1.2%

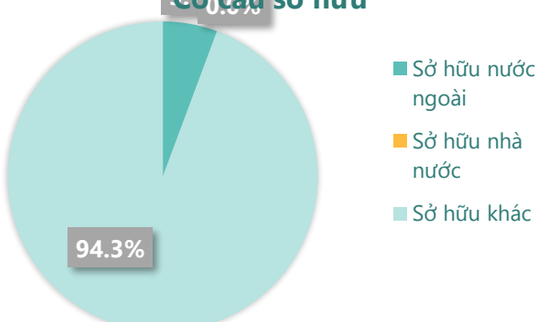
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,251 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	191
Số lượng CPLH (CP)	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	116,295
Sở hữu nước ngoài	5.7%
Beta	0.21
EPS	667
P/E	11.9

DT thuần
2024
802
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 191| 31.2%

LN thuần
2024
23.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.60| 18.1%

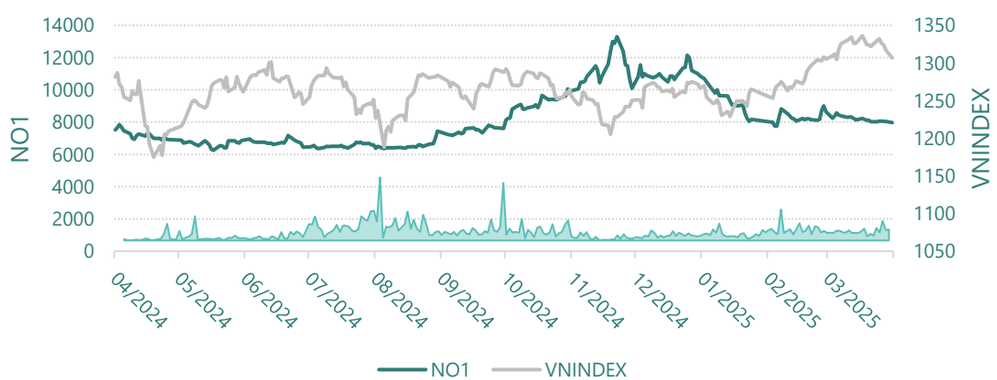
LN sau thuế
2024
18.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.10| 6.7%

Cơ cấu sở hữu

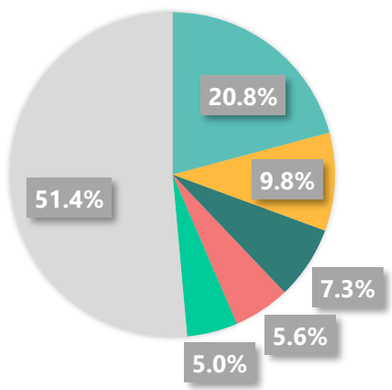


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

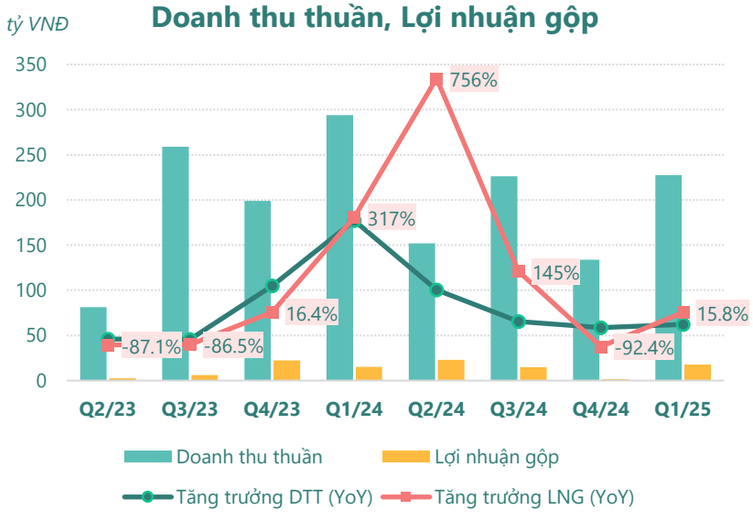


- Lưu Đình Tuấn
- Nguyễn Xuân Thanh (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Hải
- Nguyễn Mạnh Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Mirae Asset Daewoo Co., Ltd.
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

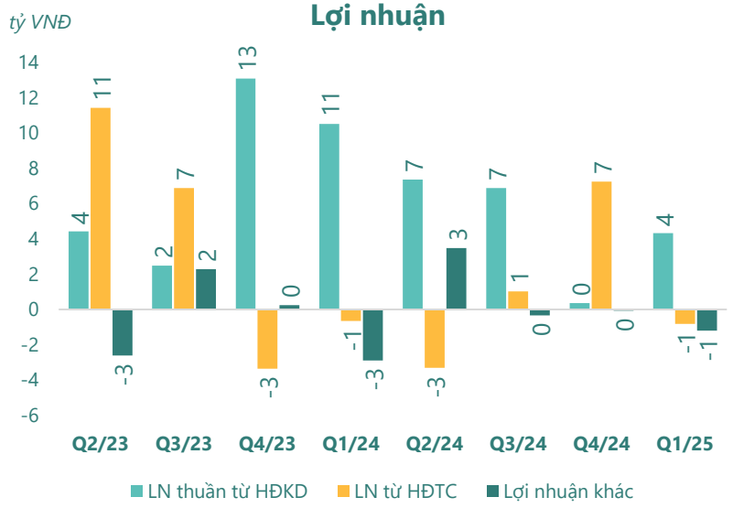
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



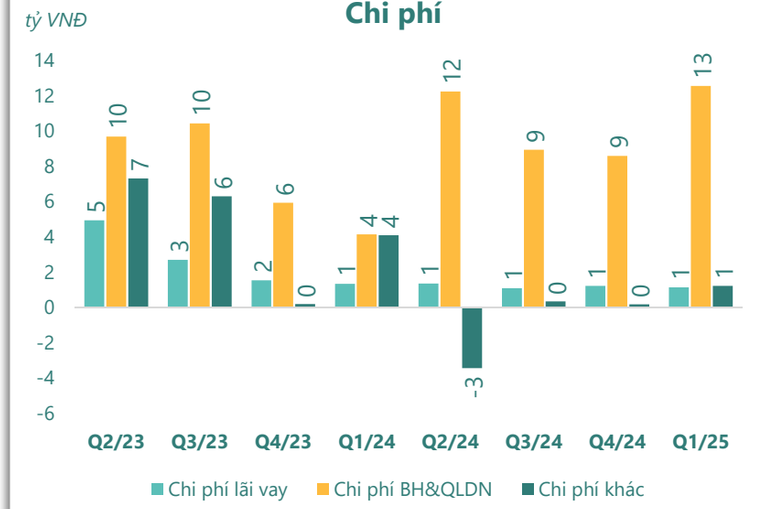
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



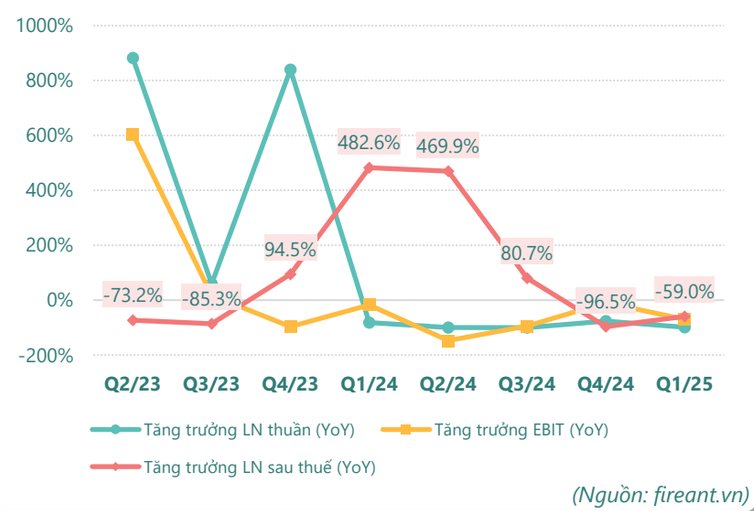
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



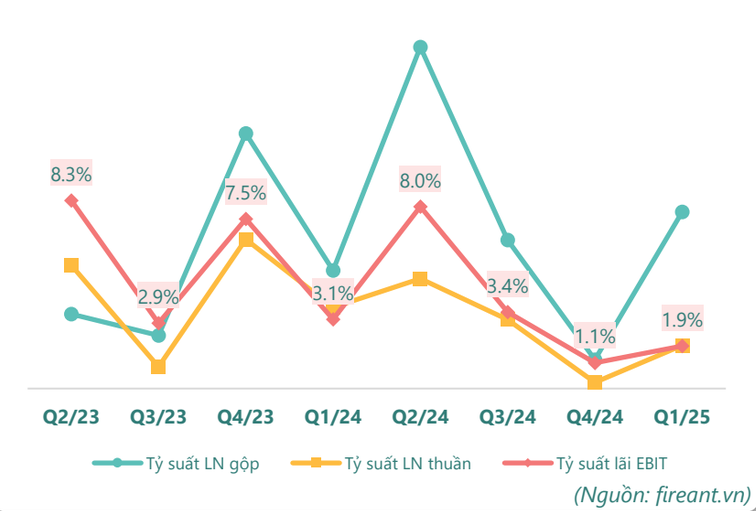
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



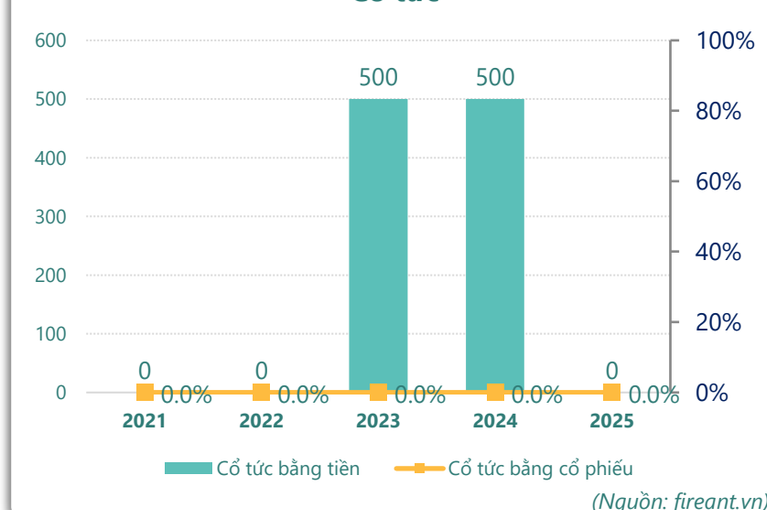
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

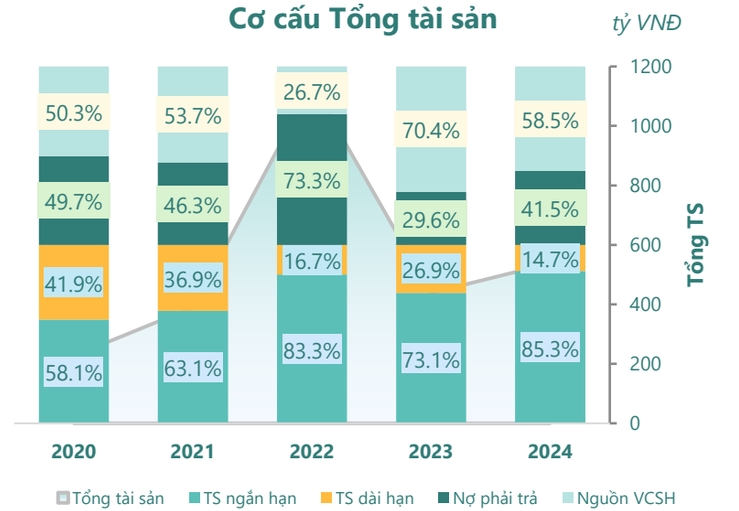
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

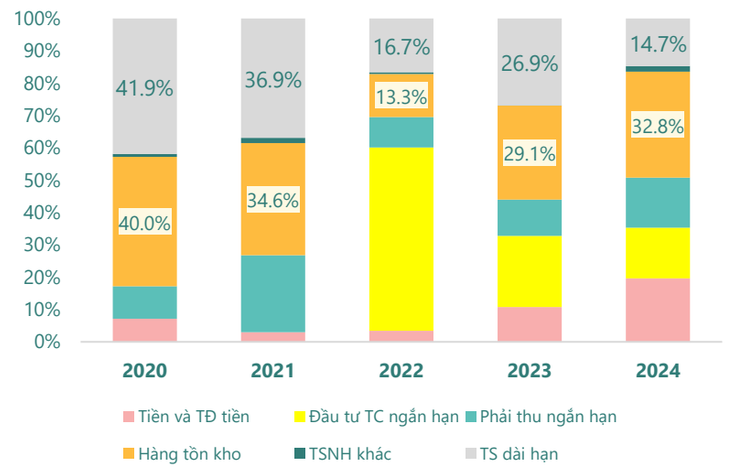
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



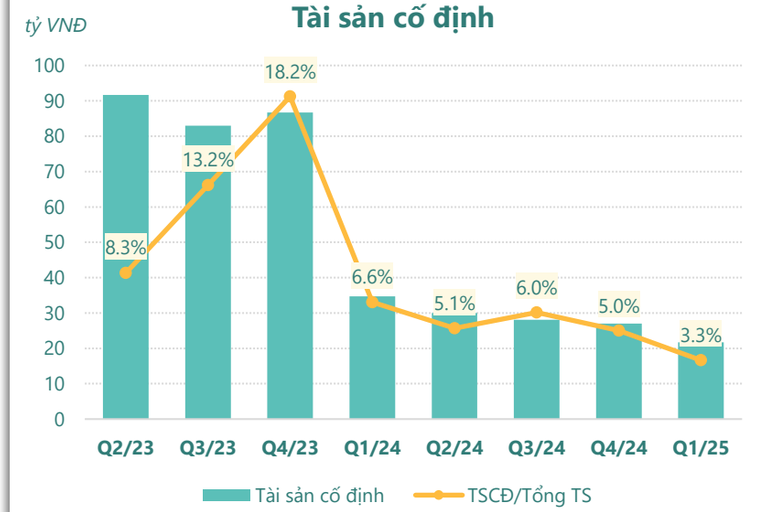
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



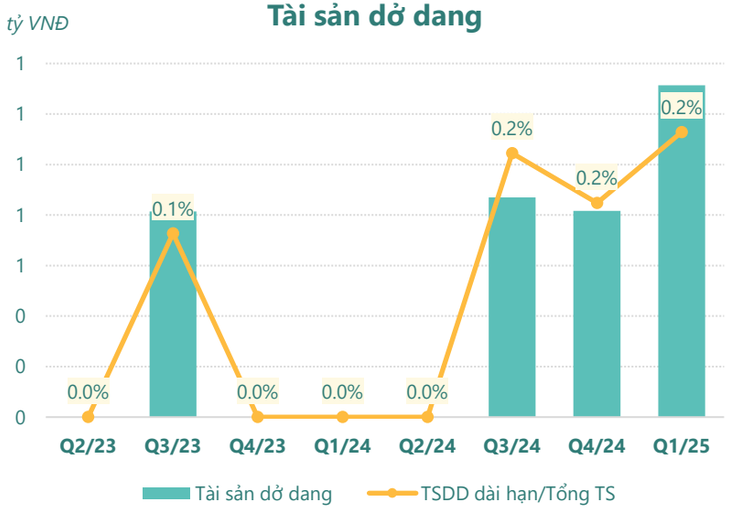
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



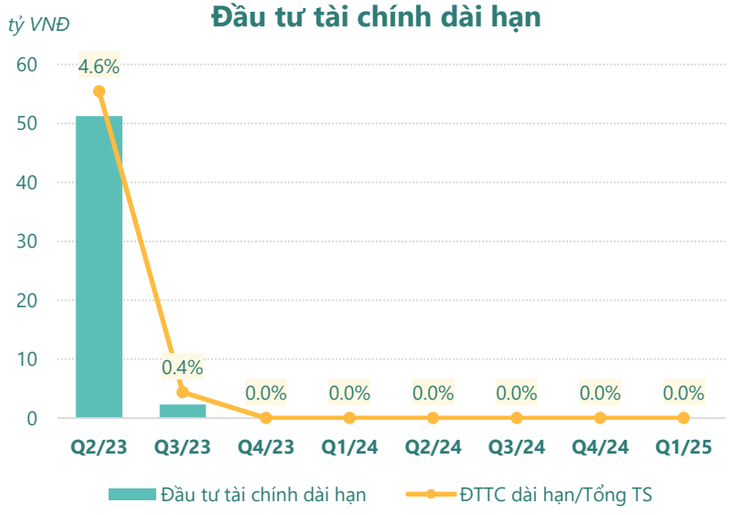
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



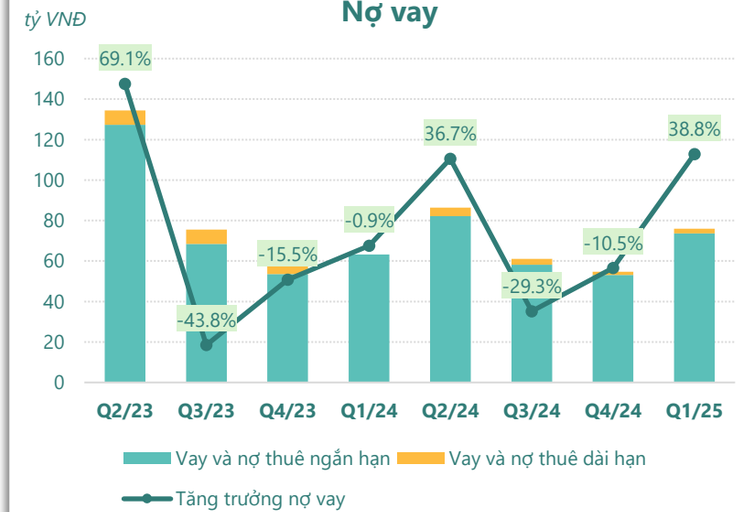
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

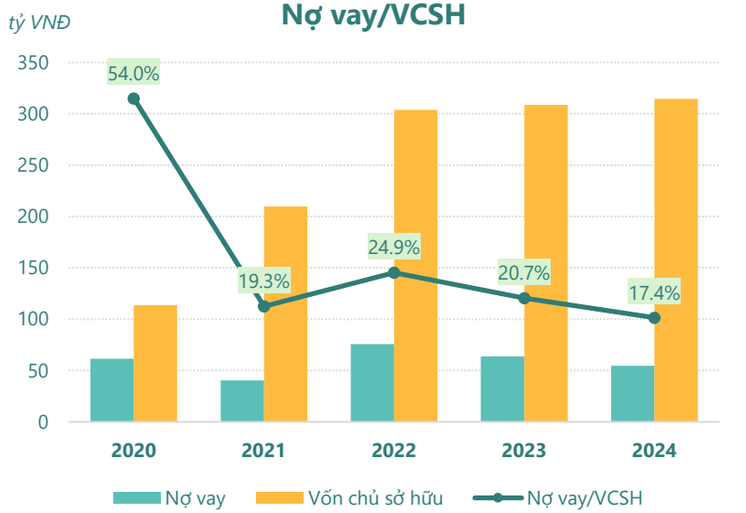
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

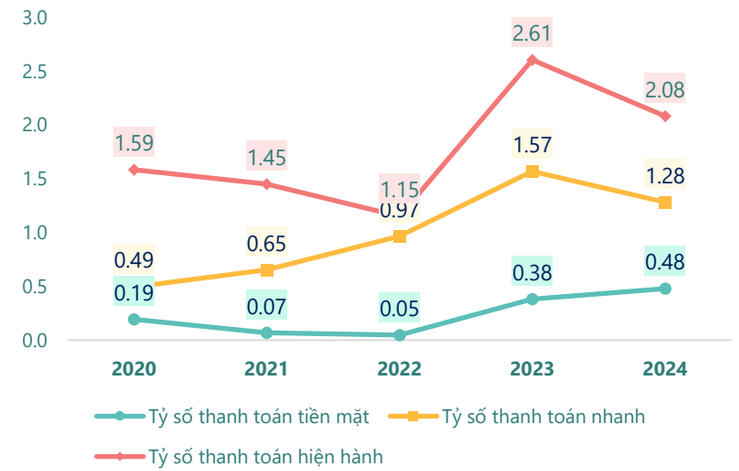
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



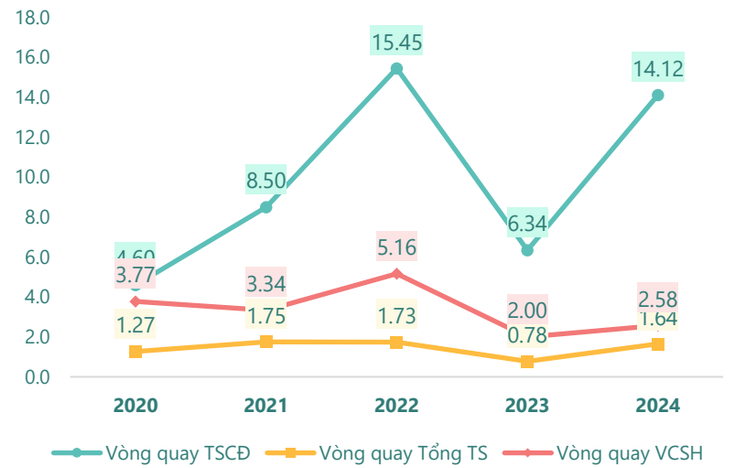
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



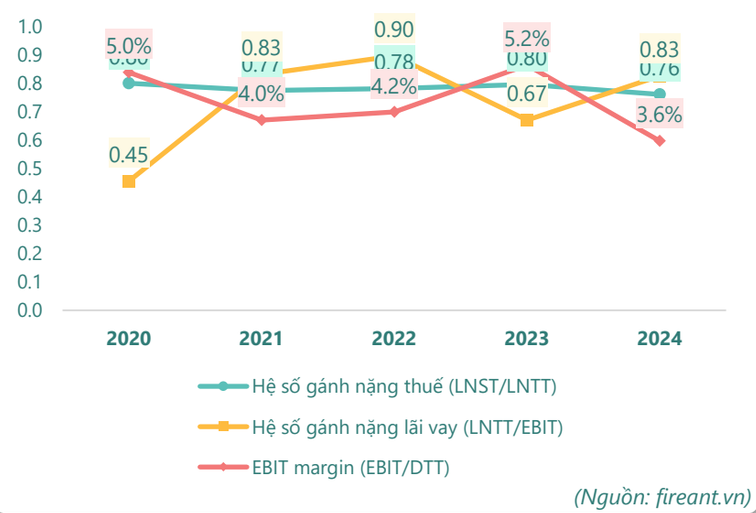
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



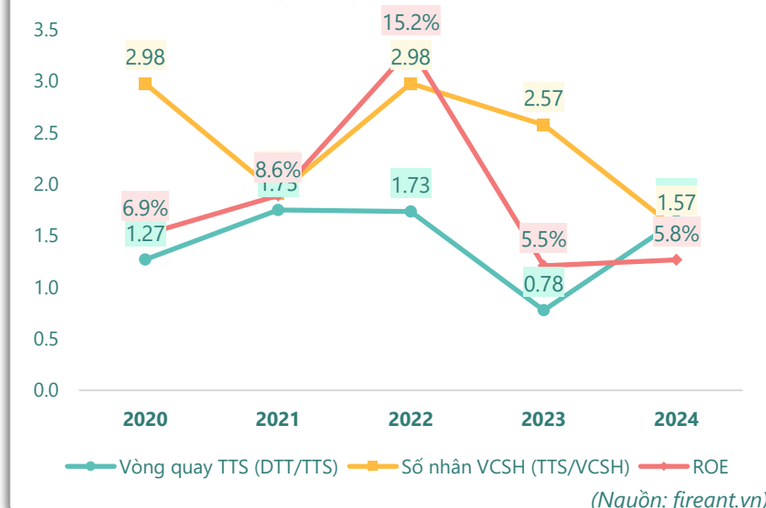
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



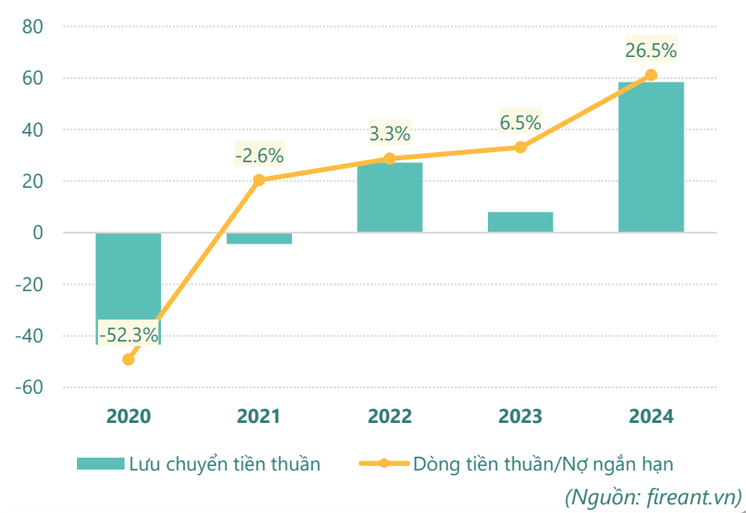
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**227**	**294**	**-22.7%**	**802**	**611**	**31.2%**
Giá vốn hàng bán	210	279	-24.9%	749	577	29.9%
Lợi nhuận gộp	17.7	15.3	15.8%	53.1	34.8	52.6%
Doanh thu HĐTC	0.32	0.70	-54.1%	16.1	37.5	-57.0%
Chi phí TC	1.14	1.35	-15.7%	11.8	23.9	-50.5%
Chi phí lãi vay	1.14	1.34	-15.1%	5.01	10.5	-52.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.04	0.60	240%	15.2	9.43	61.0%
Chi phí QLDN	**10.5**	**3.54**	**197%**	**18.7**	**19.1**	**-2.0%**
LN thuần từ HĐKD	4.33	10.5	-58.7%	23.5	19.9	18.1%
Lợi nhuận khác	**-1.20**	**-2.89**	**58.3%**	**0.18**	**1.33**	**-86.2%**
LN trước thuế	3.13	7.63	-59.0%	23.7	21.3	11.5%
Lợi nhuận sau thuế	**2.50**	**6.10**	**-59.0%**	**18.0**	**16.9**	**6.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.50**	**6.10**	**-59.0%**	**18.0**	**16.9**	**6.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-78.7	-4.80	104	-128	17.5	-114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	41.6	-18.7	17.3	35.1	27.0	62.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.1	8.25	14.4	-21.2	-16.7	25.2
Tiền đầu kỳ	117	47.1	31.9	167	53.6	106
Lưu chuyển tiền thuần	**-70.2**	**-15.2**	**135**	**-114**	**27.8**	**-26.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.03	-0.03	0	0
Tiền cuối kỳ	47.1	31.9	167	53.6	81.3	78.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**652**	**538**	**21.2%**
Tài sản ngắn hạn	565	459	23.3%
Tiền và tương đương tiền	78.8	106	-25.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	84.1	-95.2%
Phải thu ngắn hạn	243	83.3	191%
Hàng tồn kho	228	176	29.3%
Tài sản ngắn hạn khác	12.1	9.64	25.2%
Tài sản dài hạn	**86.5**	**79.0**	**9.5%**
Phải thu dài hạn	0.35	0.62	-43.2%
Tài sản cố định	21.7	27.0	-19.6%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dở dang	1.31	0.82	61.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**20.1**	**20.5**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	336	223	50.8%
Nợ ngắn hạn	**334**	**220**	**51.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	73.6	51.9	41.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	203	137	48.3%
Nợ dài hạn	2.28	2.78	-17.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.28	2.78	-17.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**315**	**315**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**315**	**315**	**0.3%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)